

PHỤ LỤC I
BẢNG THỜI HẠN BẢO QUẢN
HỒ SƠ, TÀI LIỆU HÌNH THÀNH PHỔ BIẾN TRONG
HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT
ngày tháng 5 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai)

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	1. Tài liệu tổng hợp	
1.	Tập văn bản gửi chung đến các cơ quan, đơn vị Chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước (hồ sơ nguyên tắc)	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
2.	Gửi để biết (đổi tên cơ quan, đơn vị, đổi trụ sở, đổi dấu, thông báo chữ ký,...)	01 năm
3.	Kế hoạch, báo cáo định kỳ của các cơ quan, tổ chức khác gửi đến để biết	05 năm
4.	Hồ sơ xây dựng, ban hành chế độ/quy định/hướng dẫn những vấn đề chung của ngành, cơ quan, đơn vị	Vĩnh viễn
5.	Hồ sơ xây dựng, ban hành kế hoạch, báo cáo tổng hợp, chuyên đề năm, nhiều năm - Cơ quan - Đơn vị thuộc và trực thuộc	Vĩnh viễn 05 năm
6.	Hồ sơ xây dựng, ban hành kế hoạch, báo cáo tổng hợp, chuyên đề 6 tháng, 9 tháng Cơ quan Đơn vị thuộc và trực thuộc	10 năm 02 năm
7.	Hồ sơ xây dựng, ban hành kế hoạch, báo cáo tổng hợp, chuyên đề tháng, quý Cơ quan Đơn vị thuộc và trực thuộc	05 năm 01 năm
8.	Hồ sơ kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng do cơ quan, tổ chức chủ trì	20 năm
9.	Hồ sơ hội nghị tổng kết, sơ kết công tác; chuyên đề; giao ban Năm Quý, 6 tháng, 9 tháng Ngày, tuần, tháng	Vĩnh viễn 10 năm 05 năm
10.	Hồ sơ trả lời chất vấn, bản thuyết trình, giải trình Quốc hội, Chính phủ Cơ quan, cá nhân khác	Vĩnh viễn 10 năm
11.	Sổ ghi biên bản các cuộc họp giao ban, sổ tay công tác của lãnh đạo cơ quan, tổ chức Sổ ghi biên bản các cuộc họp giao ban Sổ tay công tác của lãnh đạo	05 năm 10 năm
12.	Công văn trao đổi về những vấn đề chung	05 năm
	2. Tài liệu quy hoạch, kế hoạch, thống kê	
	2.1. Tài liệu quy hoạch	

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
13.	Hồ sơ xây dựng, ban hành quy hoạch phát triển tổng thể	Vĩnh viễn
14.	Hồ sơ về việc phê duyệt chiến lược phát triển, quy hoạch chi tiết, dự án, đề án	Vĩnh viễn
15.	Công văn trao đổi về công tác quy hoạch	05 năm
	2.2. Tài liệu kế hoạch	
16.	Hồ sơ xây dựng kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch dài hạn, hàng năm - Của cơ quan - Của đơn vị thuộc và trực thuộc	Vĩnh viễn 05 năm
17.	Hồ sơ xây dựng kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch 6 tháng, 9 tháng - Của cơ quan - Của đơn vị thuộc và trực thuộc	Vĩnh viễn 02 năm
18.	Hồ sơ xây dựng Kế hoạch và báo cáo thực hiện Quý, tháng - Của cơ quan - Của đơn vị thuộc và trực thuộc	05 năm 01 năm
19.	Chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm	Vĩnh viễn
20.	Hồ sơ chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch - Của ngành, cơ quan - Của đơn vị khác	20 năm 10 năm
21.	Công văn trao đổi về công tác kế hoạch	05 năm
	2.3. Tài liệu thống kê	
22.	Báo cáo thống kê tổng hợp, thống kê chuyên đề hàng năm - Của cơ quan - Của đơn vị thuộc và trực thuộc	Vĩnh viễn 10 năm
23.	Báo cáo thống kê tổng hợp, thống kê chuyên đề quý, 6 tháng, 9 tháng - Của cơ quan - Của đơn vị thuộc và trực thuộc	20 năm 05 năm
24.	Báo cáo thống kê tổng hợp, thống kê chuyên đề hàng tháng - Của cơ quan - Của đơn vị thuộc và trực thuộc	10 năm 05 năm
25.	Báo cáo điều tra cơ bản - Báo cáo tổng hợp - Báo cáo cơ sở - Phiếu điều tra	Vĩnh viễn 10 năm 05 năm
26.	Báo cáo phân tích và dự báo thống kê	20 năm
27.	Công văn trao đổi về công tác thống kê, điều tra	05 năm
	3. Tài liệu tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động	
	3.1. Tài liệu tổ chức	
28.	Hồ sơ xây dựng, ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức; Quy chế làm việc, quy định, hướng dẫn công tác tổ chức của cơ quan, tổ chức	20 năm
29.	Hồ sơ xây dựng đề án tổ chức ngành, cơ quan	

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	- Được phê duyệt - Không được phê duyệt	Vĩnh viễn 10 năm
30.	Hồ sơ về việc đổi tên, quy định, thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức	Vĩnh viễn
31.	Hồ sơ về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan, tổ chức	Vĩnh viễn
32.	Hồ sơ thành lập các Ban, tổ, hội đồng giúp việc cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức	05 năm
33.	Hồ sơ thực hiện dân chủ cơ sở	20 năm
34.	Công văn trao đổi về công tác tổ chức	05 năm
	3.2. Tài liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động	
35.	Hồ sơ xây dựng, ban hành tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức	Vĩnh viễn
36.	Hồ sơ xây dựng, ban hành Đề án vị trí việc làm	Vĩnh viễn
37.	Hồ sơ về xây dựng, giao, điều chỉnh, thực hiện chỉ tiêu biên chế công chức, viên chức	Vĩnh viễn
38.	Báo cáo thống kê về cán bộ, công chức, viên chức	20 năm
39.	Hồ sơ quy hoạch cán bộ, công chức, viên chức - Phiếu tín nhiệm quy hoạch - các thành phần tài liệu khác	05 năm 10 năm
40.	Hồ sơ về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức - Phiếu tín nhiệm bổ nhiệm, bổ nhiệm lại - Các thành phần tài liệu khác	10 năm 20 năm
41.	Hồ sơ về việc tiếp nhận, điều động, chuyển chuyên, luân chuyển, chuyển đổi vị trí việc làm, biệt phái, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, người lao động	20 năm
42.	Hồ sơ về việc cho thôi việc, chuyển công tác của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động	20 năm
43.	Hồ sơ về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, giáng chức, từ chức đối với cán bộ, công chức, viên chức	20 năm
44.	Hồ sơ nâng ngạch, bậc, chuyển ngạch của cán bộ, công chức, viên chức	20 năm
45.	Hồ sơ giải quyết các chế độ, trợ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức	20 năm
46.	Hồ sơ gốc cán bộ, công chức, viên chức, người lao động	70 năm
47.	Hồ sơ về tuyển dụng; thi nâng ngạch, thăng hạng, chuyển ngạch hàng năm; thi tuyển chức danh lãnh đạo quản lý của công chức, viên chức - Hồ sơ dự thi, bài thi - Các tài liệu khác	05 năm 10 năm
48.	Hồ sơ cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác ở nước ngoài	10 năm
49.	Hồ sơ quản lý cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc riêng	05 năm
50.	Hồ sơ cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các Ban, tổ, hội đồng do cơ quan, tổ chức khác thành lập	05 năm
51.	Hồ sơ trả lời về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	10 năm

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
52.	Hồ sơ về công tác bảo vệ chính trị nội bộ	20 năm
53.	Hồ sơ hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ	10 năm
54.	Công văn trao đổi về công tác cán bộ	05 năm
	3.3. Tài liệu về công tác đào tạo, bồi dưỡng	
55.	Hồ sơ tổ chức các lớp đào tạo	10 năm
56.	Hồ sơ tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn	05 năm
57.	Hồ sơ quản lý, cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng	10 năm
58.	Công văn trao đổi về công tác đào tạo, bồi dưỡng	05 năm
	4. Tài liệu lao động, tiền lương	
	4.1. Tài liệu lao động	
59.	Hồ sơ xây dựng chế độ bảo hộ, an toàn, vệ sinh lao động của cơ quan	20 năm
60.	Hồ sơ các vụ tai nạn lao động - Nghiêm trọng - Không nghiêm trọng	Vĩnh viễn 20 năm
61.	Công văn trao đổi về công tác lao động	05 năm
	4.2. Tài liệu tiền lương	
62.	Hồ sơ xây dựng, ban hành Quy chế nâng bậc lương	20 năm
63.	Hồ sơ theo dõi thực hiện thang, bảng lương, chế độ phụ cấp	20 năm
64.	Hồ sơ xếp lương, chuyển xếp lại hệ số lương, nâng lương, nâng phụ cấp thâm niên của cán bộ, công chức, viên chức	20 năm
65.	Công văn trao đổi về tiền lương	05 năm
	5. Tài liệu tài chính, kế toán	
66.	Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán của cơ quan	20 năm
67.	Hồ sơ về giao, bổ sung, điều chỉnh, phân bổ và thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan và các đơn vị trực thuộc	Vĩnh viễn
68.	Báo cáo kiểm kê, đánh giá lại tài sản cố định (không phải nhà, đất) - Báo cáo tổng hợp - Phiếu kiểm kê, đánh giá	20 năm 05 năm
69.	Hồ sơ về việc quyết định mua sắm, xác lập quyền sở hữu của nhà nước về tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, thuê, cho thuê, chuyển nhượng, tiêu hủy tài sản công và các hình thức xử lý khác - Tài sản là nhà, đất - Tài sản khác	Vĩnh viễn 20 năm
70.	Hồ sơ đấu thầu mua sắm thường xuyên tài sản, vật tư, thiết bị - Tài liệu mời thầu, đấu thầu và phê duyệt kết quả đấu thầu, hồ sơ dự thầu trúng thầu - Hồ sơ dự thầu không trúng thầu	20 năm 05 năm
71.	Hồ sơ mua sắm trực tiếp vật tư, trang thiết bị làm việc	10 năm
72.	Hồ sơ kiểm tra, thanh tra, kiểm toán tài chính tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc - Định kỳ theo quy định - Vụ việc nghiêm trọng	10 năm Vĩnh viễn
73.	Công văn trao đổi về công tác tài chính, kế toán	05 năm

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	6. Tài liệu đầu tư, xây dựng	
74.	Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định, hướng dẫn về đầu tư, xây dựng	20 năm
75.	Hồ sơ về xây dựng đề án, dự án, chương trình mục tiêu - Được phê duyệt - Không được phê duyệt	Vĩnh viễn 10 năm
76.	Hồ sơ quản lý, tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình mục tiêu	Vĩnh viễn
77.	Hồ sơ thẩm định, phê duyệt đề án, dự án, chương trình mục tiêu	Vĩnh viễn
78.	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các đề án, dự án, chương trình mục tiêu - Tổng kết - Sơ kết	Vĩnh viễn 10 năm
79.	Hồ sơ công trình xây dựng cơ bản nhóm A, nhóm B công trình áp dụng các giải pháp mới về kiến trúc, kết cấu, công nghệ, thiết bị, vật liệu mới; công trình xây dựng trong điều kiện địa chất, địa hình đặc biệt công trình được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa (kể từ khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng) - Tài liệu xin chủ trương đầu tư, lập, phê duyệt dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế, thi công - nghiệm thu, giải phóng mặt bằng địa điểm xây dựng công trình, phê duyệt kết quả đấu thầu và hợp đồng kinh tế, hoàn công, quyết toán công trình - Tài liệu mời thầu, đấu thầu và hồ sơ dự thầu trúng thầu; hồ sơ về bảo hiểm, bảo hành, bảo trì công trình; hồ sơ đăng kiểm chất lượng quốc tế (nếu có); hồ sơ về giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình (nếu có) - Hồ sơ dự thầu không trúng thầu	Vĩnh viễn 20 năm 05 năm
80.	Hồ sơ công trình nhóm C và sửa chữa lớn (kể từ khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng) - Tài liệu xin chủ trương đầu tư, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế, thi công - nghiệm thu, phê duyệt kết quả đấu thầu và hợp đồng kinh tế, hoàn công, quyết toán công trình - Tài liệu mời thầu, đấu thầu và hồ sơ dự thầu trúng thầu - Hồ sơ dự thầu không trúng thầu	50 năm 10 năm 05 năm
81.	Hồ sơ công trình sửa chữa nhỏ	10 năm
82.	Công văn trao đổi về công tác đầu tư, xây dựng	05 năm
	7. Tài liệu khoa học công nghệ	
83.	Hồ sơ về việc xây dựng quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của cơ quan	20 năm
84.	Hồ sơ hội nghị, hội thảo khoa học do cơ quan tổ chức	Vĩnh viễn
85.	Hồ sơ hoạt động của Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến	20 năm
86.	Hồ sơ thực hiện chương trình, dự án, đề tài khoa học và công nghệ - Cấp nhà nước - Cấp Bộ, ngành - Cấp cơ sở	Vĩnh viễn 20 năm 10 năm
87.	Báo cáo kết quả tổng thuật chương trình, dự án, đề tài khoa học và	Vĩnh viễn

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	công nghệ	
88.	Hồ sơ sáng kiến, quy trình công nghệ hoặc giải pháp hữu ích được công nhận - Cấp nhà nước - Cấp bộ, ngành - Cấp cơ sở	Vĩnh viễn 20 năm 10 năm
89.	Hồ sơ xây dựng, ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	Vĩnh viễn
90.	Hồ sơ triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ	20 năm
91.	Hồ sơ về việc đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ - Được duyệt - Không được duyệt	20 năm 10 năm
92.	Công văn trao đổi về công tác khoa học và công nghệ	05 năm
	8. Tài liệu hợp tác quốc tế	
93.	Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định, hướng dẫn về hợp tác quốc tế của cơ quan	20 năm
94.	Hồ sơ hội nghị, hội thảo quốc tế do cơ quan chủ trì	Vĩnh viễn
95.	Hồ sơ xây dựng chương trình, dự án hợp tác quốc tế của ngành, cơ quan	Vĩnh viễn
96.	Hồ sơ về việc thiết lập quan hệ hợp tác với các cơ quan, tổ chức nước ngoài	Vĩnh viễn
97.	Hồ sơ gia nhập thành viên các hiệp hội, tổ chức quốc tế	Vĩnh viễn
98.	Hồ sơ về việc tham gia các hoạt động của hiệp hội, tổ chức quốc tế	10 năm
99.	Hồ sơ niên lễ, đóng góp cho các hiệp hội, tổ chức quốc tế	Vĩnh viễn
100.	Hồ sơ đoàn ra - Ký kết hợp tác - Hội thảo, triển lãm, học tập, khảo sát...	Vĩnh viễn 10 năm
101.	Hồ sơ đoàn vào - Ký kết hợp tác - Hội thảo, triển lãm, học tập, khảo sát...	Vĩnh viễn 10 năm
102.	Thư, điện, thiệp chúc mừng - Quan trọng (thiết lập quan hệ hợp tác, các sự kiện quốc tế do cơ quan chủ trì.) - Thông thường (ngày lễ, ngày kỷ niệm hằng năm.)	Vĩnh viễn 05 năm
103.	Công văn trao đổi về công tác hợp tác quốc tế	10 năm
	9. Tài liệu thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, tiêu cực	
104.	Hồ sơ xây dựng, ban hành quy chế, quy định, hướng dẫn về thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan	20 năm
105.	Hồ sơ về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	20 năm
106.	Hồ sơ thanh tra định kỳ	20 năm
107.	Hồ sơ thanh tra các vụ việc - Vụ việc nghiêm trọng - Vụ việc khác	Vĩnh viễn 20 năm
108.	Hồ sơ giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo	

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	- Vụ việc nghiêm trọng - Vụ việc khác	Vĩnh viễn 20 năm
109.	Hồ sơ, tài liệu về việc chuyển, trả đơn thư khiếu nại, tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết	05 năm
110.	Đơn từ khiếu nại tố cáo của cơ quan, tổ chức, công dân gửi đến nhưng không giải quyết	05 năm
111.	Hồ sơ tiếp công dân	05 năm
112.	Tài liệu về hoạt động của tổ chức Thanh tra nhân dân - Báo cáo năm - Tài liệu khác	20 năm 05 năm
113.	Công văn trao đổi về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	05 năm
	10. Tài liệu thi đua, khen thưởng	
114.	Hồ sơ xây dựng, ban hành quy chế, quy định, hướng dẫn về thi đua, khen thưởng của cơ quan	20 năm
115.	Hồ sơ hoạt động của Hội đồng thi đua khen thưởng	20 năm
116.	Hồ sơ hội nghị công tác thi đua, khen thưởng do cơ quan, tổ chức chủ trì	20 năm
117.	Hồ sơ phát động, tổ chức thực hiện phong trào thi đua	20 năm
118.	Hội nghị điển hình tiên tiến	Vĩnh viễn
119.	Hồ sơ khen thưởng các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự nhà nước, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân - Các hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ - Các hình thức khen thưởng của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh và tương đương - Các hình thức khen thưởng của người đứng đầu cơ quan, tổ chức	Vĩnh viễn 20 năm 10 năm
120.	Hồ sơ tổ chức trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự nhà nước, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân	05 năm
121.	Công văn trao đổi về công tác thi đua, khen thưởng	05 năm
	11. Tài liệu pháp chế	
122.	Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định, hướng dẫn về công tác pháp chế của cơ quan	20 năm
123.	Hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Vĩnh viễn
124.	Hồ sơ hội nghị công tác pháp chế, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật	20 năm
125.	Hồ sơ tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật - Tổng kết - Sơ kết	Vĩnh viễn 20 năm
126.	Hồ sơ thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Vĩnh viễn
127.	Hồ sơ về việc góp ý xây dựng văn bản do cơ quan khác chủ trì	10 năm
128.	Hồ sơ về việc rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất, pháp điển văn bản quy phạm pháp luật	20 năm
129.	Hồ sơ kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật	20 năm
130.	Hồ sơ theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực	20 năm

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	hiện pháp luật	
131.	Công văn trao đổi về công tác pháp chế	05 năm
	12. Tài liệu về hành chính, quản trị công sở	
	12.1. Tài liệu về hành chính, văn thư, lưu trữ	
132.	Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định, quy chế, hướng dẫn công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan	20 năm
133.	Hồ sơ thực hiện cải cách hành chính	20 năm
134.	Hồ sơ đánh giá xếp hạng công tác cải cách hành chính hằng năm	10 năm
135.	Hồ sơ về lập, ban hành Danh mục bí mật nhà nước	Vĩnh viễn
136.	Hồ sơ về lập, ban hành Danh mục hồ sơ hằng năm	05 năm
137.	Hồ sơ kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ hành chính, văn thư, lưu trữ	20 năm
138.	Hồ sơ tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ lưu trữ	20 năm
139.	Hồ sơ về quản lý và sử dụng con dấu, thiết bị lưu khóa bí mật	20 năm
140.	Tập lưu, sổ đăng ký văn bản đi của cơ quan - Văn bản quy phạm pháp luật - Các văn bản hành chính	Vĩnh viễn Vĩnh viễn
141.	Sổ đăng ký bí mật nhà nước đi, đến	30 năm
142.	Tập lưu, sổ đăng ký văn bản sao y	20 năm
143.	Sổ đăng ký văn bản đến	20 năm
144.	Công văn trao đổi về hành chính, văn thư, lưu trữ	05 năm
	12.2. Tài liệu ứng dụng ISO	
145.	Hồ sơ xây dựng hệ thống, quy trình, quy định thực hiện theo tiêu chuẩn ISO	20 năm
146.	Hồ sơ đánh giá nội bộ về áp dụng ISO	10 năm
147.	Công văn trao đổi về công tác ứng dụng ISO	05 năm
	12.3. Tài liệu ứng dụng công nghệ thông tin	
148.	Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định về công nghệ thông tin	20 năm
149.	Hồ sơ, tài liệu về ứng dụng công nghệ thông tin	20 năm
150.	Hồ sơ xây dựng và quản lý các cơ sở dữ liệu	50 năm
151.	Công văn trao đổi về ứng dụng công nghệ thông tin	05 năm
	12.4. Tài liệu thông tin, tuyên truyền	
152.	Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định về thông tin, tuyên truyền	20 năm
153.	Hồ sơ về việc cung cấp, tiếp nhận và xử lý thông tin báo chí	05 năm
154.	Công văn trao đổi về công tác thông tin, tuyên truyền	05 năm
	12.5. Tài liệu quản trị công sở	
155.	Hồ sơ xây dựng, ban hành các quy định, quy chế về công tác quản trị công sở	20 năm
156.	Hồ sơ thực hiện văn hóa công sở	10 năm
157.	Hồ sơ về công tác an ninh quốc phòng, dân quân tự vệ	10 năm
158.	Hồ sơ về phòng chống cháy, nổ, thiên tai...	10 năm
159.	Hồ sơ về công tác bảo vệ trụ sở cơ quan, tổ chức	05 năm
160.	Hồ sơ về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị	10 năm
161.	Hồ sơ về công tác y tế	05 năm
162.	Công văn trao đổi về công tác quản trị công sở	05 năm
	13. Tài liệu tổ chức chính trị, chính trị - xã hội	

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	13.1. Tài liệu của tổ chức Đảng	
163.	Hồ sơ Đại hội	Vĩnh viễn
164.	Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác, báo cáo chuyên đề - Tổng kết năm, nhiệm kỳ - Tháng, quý, 6 tháng	Vĩnh viễn 05 năm
165.	Hồ sơ tổ chức thực hiện các cuộc vận động lớn, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và các cấp ủy Đảng	20 năm
166.	Hồ sơ tổ chức hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác đảng	10 năm
167.	Hồ sơ về thành lập, sáp nhập, công nhận tổ chức Đảng	Vĩnh viễn
168.	Hồ sơ về tiếp nhận, bàn giao công tác Đảng	10 năm
169.	Hồ sơ về hoạt động kiểm tra, giám sát	20 năm
170.	Hồ sơ đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng, Đảng viên	20 năm
171.	Hồ sơ về phê chuẩn kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm cấp ủy	20 năm
172.	Hồ sơ tổ chức thực hiện các cuộc vận động lớn, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và các cấp ủy Đảng	20 năm
173.	Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên	20 năm
174.	Báo cáo, đánh giá công tác phát triển đảng viên	20 năm
175.	Hồ sơ về tặng Huy hiệu Đảng	20 năm
176.	Hồ sơ Hội nghị đảng viên 6 tháng, năm	20 năm
177.	Hồ sơ đảng viên	70 năm
178.	Hồ sơ thu, chi đảng phí; quyết toán tài chính công tác đảng	10 năm
179.	Sổ (đăng ký Đảng viên, ghi biên bản...)	20 năm
180.	Tập lưu, sổ đăng ký văn bản đi	20 năm
181.	Công văn trao đổi về công tác Đảng	05 năm
	13.2. Tài liệu tổ chức Công đoàn	
182.	Hồ sơ Đại hội	Vĩnh viễn
183.	Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác - Tổng kết năm, nhiệm kỳ - Tháng, quý, 6 tháng	Vĩnh viễn 05 năm
184.	Hồ sơ tổ chức thực hiện các cuộc vận động lớn, thực hiện nghị quyết của tổ chức Công đoàn	20 năm
185.	Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật tổ chức, công đoàn viên	20 năm
186.	Tài liệu về tổ chức, nhân sự của tổ chức Công đoàn	20 năm
187.	Bảng thống kê danh sách đoàn viên Công đoàn hằng năm	20 năm
188.	Tài liệu về các hoạt động của tổ chức Công đoàn	20 năm
189.	Hồ sơ hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm của cơ quan, tổ chức	20 năm
190.	Hồ sơ thu, chi công đoàn phí; quyết toán tài chính công tác công đoàn	10 năm
191.	Sổ (đăng ký Công đoàn viên, ghi biên bản...)	20 năm
192.	Tập lưu, sổ đăng ký văn bản đi	20 năm
193.	Công văn trao đổi về công tác Công đoàn	05 năm
	13.3. Tài liệu tổ chức Đoàn Thanh niên	
194.	Hồ sơ Đại hội	Vĩnh viễn

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
195.	Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác - Tổng kết năm, nhiệm kỳ - Tháng, quý, 6 tháng	Vĩnh viễn 05 năm
196.	Hồ sơ tổ chức thực hiện các cuộc vận động lớn, thực hiện nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Đoàn Thanh niên	Vĩnh viễn
197.	Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật tổ chức, đoàn viên thanh niên	20 năm
198.	Tài liệu về tổ chức, nhân sự của Đoàn Thanh niên	20 năm
199.	Bảng thống kê danh sách đoàn viên thanh niên hằng năm	20 năm
200.	Tài liệu về các hoạt động của Đoàn thanh niên	20 năm
201.	Sổ (đăng ký Đoàn viên, ghi biên bản...)	20 năm
202.	Tập lưu, sổ đăng ký văn bản đi	20 năm
203.	Công văn trao đổi về công tác Đoàn	05 năm
	<i>13.4. Tài liệu tổ chức Hội Cựu chiến binh</i>	
204.	Hồ sơ Đại hội	Vĩnh viễn
205.	Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác - Tổng kết năm, nhiệm kỳ - Tháng, quý, 6 tháng	Vĩnh viễn 05 năm
206.	Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật tổ chức, hội viên	20 năm
207.	Tài liệu về tổ chức, nhân sự của Hội Cựu chiến binh	20 năm
208.	Tài liệu về các hoạt động của Hội Cựu chiến binh	20 năm
209.	Tập lưu, sổ đăng ký văn bản đi	20 năm
210.	Công văn trao đổi về công tác cựu chiến binh	05 năm

Phụ lục II**BẢNG THỜI HẠN BẢO QUẢN TÀI LIỆU CHUYÊN MÔN
NGHIỆP VỤ CỦA NGÀNH GIÁO DỤC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT
ngày tháng 5 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai)

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	I. Tài liệu chuyên môn nghiệp vụ về giáo dục và đào tạo	
	1. Tài liệu chung về Giáo dục và Đào tạo	
211.	Tập văn bản quy định, hướng dẫn về công tác giáo dục và đào tạo gửi chung đến các cơ quan, đơn vị (hồ sơ nguyên tắc)	Theo hiệu lực văn bản
212.	Hồ sơ xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các định hướng, phương hướng, chính sách phát triển giáo dục và đào tạo	Vĩnh viễn
213.	Hồ sơ xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo dài hạn, 5 năm, hàng năm	Vĩnh viễn
214.	Hồ sơ xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các chiến lược, quy hoạch vùng trọng điểm về giáo dục và đào tạo	Vĩnh viễn
215.	Hồ sơ quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân	Vĩnh viễn
216.	Hồ sơ xây dựng và ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động giáo dục và đào tạo	Vĩnh viễn
217.	Hồ sơ xây dựng, quản lý, tổ chức thực hiện các đề án, chương trình mục tiêu, dự án chuyên môn về giáo dục và đào tạo	Vĩnh viễn
218.	Kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học	Vĩnh viễn
219.	Kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học; báo cáo tổng kết năm học, khóa học và bản lưu các báo cáo liên quan đến đào tạo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền	Vĩnh viễn
220.	Báo cáo đánh giá, tổng hợp giáo dục các cấp học cả nước qua từng thời kỳ và năm học	Vĩnh viễn
221.	Số liệu thống kê giáo dục hàng năm, nhiều năm	Vĩnh viễn
222.	Hồ sơ hội nghị, hội thảo giáo dục đào tạo	
	- Hội nghị tổng kết	Vĩnh viễn
	- Hội nghị sơ kết	10 năm
	- Hội thảo khoa học	10 năm
	- Hội thảo góp ý xây dựng tài liệu	10 năm
	- Hội nghị giao ban vùng	10 năm
223.	Hồ sơ tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	10 năm
224.	Hồ sơ các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định	10 năm
225.	Hồ sơ tổ chức triển lãm giáo dục và đào tạo	10 năm
226.	Hồ sơ kiểm tra các hoạt động giáo dục và đào tạo	20 năm
227.	Hồ sơ thanh tra các hoạt động giáo dục và đào tạo	
	- Vụ việc nghiêm trọng	Vĩnh viễn
	- Vụ việc khác	20 năm
228.	Công văn trao đổi về giáo dục và đào tạo	10 năm

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	2. Tài liệu về Giáo dục mầm non	
	2.1. Tài liệu về quản lý cơ sở giáo dục mầm non và các hoạt động giáo dục cấp học mầm non	
229.	Hồ sơ thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ	Vĩnh viễn
230.	Hồ sơ công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	20 năm
231.	Hồ sơ thành lập hội đồng trường mầm non công lập	20 năm
232.	Hồ sơ thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	20 năm
233.	Hồ sơ đăng ký hoạt động nhóm trẻ đối với những nơi mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng đủ nhu cầu đưa trẻ tới trường, lớp	20 năm
234.	Hồ sơ xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình giáo dục mầm non	Vĩnh viễn
235.	Hồ sơ biên soạn, thẩm định, phê duyệt tài liệu bồi dưỡng, tài liệu hướng dẫn giảng dạy thuộc giáo dục mầm non	20 năm
236.	Hồ sơ công nhận tỉnh/huyện/xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi	10 năm
	2.2. Hồ sơ phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non	
237.	Hồ sơ quản lý trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non	5 năm
238.	Hồ sơ quản lý trẻ em học hòa nhập của cơ sở giáo dục mầm non	5 năm
239.	Hồ sơ quản lý bán trú của cơ sở giáo dục mầm non	5 năm
240.	Hồ sơ quản lý chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non	5 năm
	3. Tài liệu về Giáo dục phổ thông	
	3.1. Tài liệu về quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và các hoạt động giáo dục cấp học phổ thông	
241.	Hồ sơ thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục phổ thông	Vĩnh viễn
242.	Hồ sơ công nhận trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia	20 năm
243.	Hồ sơ công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	20 năm
244.	Hồ sơ thành lập hội đồng trường đối với cơ sở giáo dục phổ thông công lập	20 năm
245.	Hồ sơ xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình giáo dục phổ thông	Vĩnh viễn
246.	Hồ sơ biên soạn sách giáo khoa phổ thông	Vĩnh viễn
247.	Hồ sơ thẩm định, phê duyệt sách giáo khoa phổ thông	Vĩnh viễn
248.	Hồ sơ biên soạn, thẩm định, phê duyệt tài liệu bồi dưỡng, tài liệu hướng dẫn giảng dạy thuộc giáo dục phổ thông	20 năm
249.	Hồ sơ công nhận tỉnh/huyện/xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở	10 năm
250.	Hồ sơ cấp giấy phép dạy thêm	5 năm sau khi giấy phép hết hiệu lực
	3.2. Hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục của trường tiểu học, lớp tiểu học, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	
251.	Sổ đăng bộ	Vĩnh viễn

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
252.	Bảng tổng hợp kết quả học tập, rèn luyện của học sinh tiểu học	20 năm
253.	Số nghị quyết và kế hoạch công tác của trường	10 năm
254.	Số khen thưởng, kỷ luật	10 năm
255.	Học bạ học sinh	Trả học sinh khi ra trường, chuyển trường
256.	Hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật	Bản giao cho cơ sở giáo dục mới khi học sinh chuyển trường, cấp học
257.	Số phổ cập giáo dục tiểu học	5 năm
258.	Số chủ nhiệm	Hết khóa
259.	Số công tác Đội	Hết khóa
	3.3. Hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục của trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên biệt	
260.	Số đăng bộ	Vĩnh viễn
261.	Số gọi tên và ghi điểm	Vĩnh viễn
262.	Số nghị quyết của trường và nghị quyết của hội đồng trường	10 năm
263.	Hồ sơ thi đua	10 năm
264.	Học bạ học sinh	Trả học sinh khi ra trường, chuyển trường
265.	Hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật	Bản giao cho cơ sở giáo dục mới khi học sinh chuyển trường, cấp học
266.	Số phổ cập giáo dục	5 năm
267.	Số ghi đầu bài	5 năm
268.	Số chủ nhiệm	Hết khóa
	3.4. Tài liệu về tuyển sinh, công nhận tốt nghiệp	
269.	Hồ sơ tuyển sinh cấp tiểu học	Hết khóa
270.	Hồ sơ tuyển sinh trung học cơ sở	Hết khóa
271.	Tài liệu về xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở	
	- Quyết định công nhận tốt nghiệp, danh sách người học được công nhận tốt nghiệp	Vĩnh viễn
	- Các tài liệu khác có liên quan đến xét công nhận tốt nghiệp	2 năm
272.	Tài liệu về tuyển sinh trung học phổ thông	
	- Hồ sơ xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm	Vĩnh viễn
	- Quyết định trúng tuyển, danh sách trúng tuyển; Điểm chuẩn tuyển sinh	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký dự tuyển	Hết khóa
	- Bài thi	Hết khóa
	- Các tài liệu khác có liên quan đến tuyển sinh	Hết khóa
273.	Tài liệu về thi và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	- Danh sách thí sinh được công nhận tốt nghiệp	Vĩnh viễn
	- Bảng ghi thông tin xét công nhận tốt nghiệp, Bảng ghi điểm thi, Các loại thống kê số liệu	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký dự thi	1 năm
	- Bài thi	2 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến thi và xét công nhận tốt nghiệp	2 năm
	3.5. Tài liệu về thi học sinh giỏi, thi nghề phổ thông, cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học	
274.	Tài liệu về thi chọn học sinh giỏi trung học phổ thông	
	- Danh sách thí sinh đoạt giải	Vĩnh viễn
	- Danh sách học sinh là thành viên các đội tuyển Olympic quốc tế và khu vực	Vĩnh viễn
	- Biên bản xét duyệt kết quả thi và xếp giải	Vĩnh viễn
	- Quyết định thành lập đội tuyển (lưu tại đơn vị dự thi)	Vĩnh viễn
	- Sổ cấp giấy chứng nhận học sinh đoạt giải	Vĩnh viễn
	- Đề thi và hướng dẫn chấm thi đã sử dụng	5 năm
	- Hồ sơ đăng ký dự thi	1 năm
	- Bài thi	2 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến cuộc thi	2 năm
275.	Hồ sơ các đoàn cán bộ, học sinh dự thi Olympic quốc tế và khu vực	10 năm
276.	Hồ sơ thi nghề phổ thông	
	- Bảng ghi tên thí sinh và kết quả thi	10 năm
	- Hồ sơ đăng ký dự thi	1 năm
	- Bài thi lý thuyết	2 năm
	- Tài liệu khác có liên quan đến cuộc thi	2 năm
277.	Hồ sơ cuộc thi Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học	
	- Danh sách dự án, thí sinh đoạt giải	Vĩnh viễn
	- Quyết định thành lập đội tuyển (lưu tại đơn vị dự thi)	Vĩnh viễn
	- Sổ cấp giấy chứng nhận học sinh đoạt giải	Vĩnh viễn
	- Dự án dự thi: Báo cáo tóm tắt, Báo cáo kết quả nghiên cứu	
	+ Đoạt giải cấp quốc gia	Vĩnh viễn
	+ Đoạt giải cấp trường, tỉnh, huyện	10 năm
	- Các tài liệu khác liên quan đến cuộc thi	2 năm
	4. Tài liệu về Giáo dục thường xuyên	
	4.1. Tài liệu về quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên và các hoạt động giáo dục thường xuyên	
278.	Hồ sơ thành lập, cho phép hoạt động, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên	Vĩnh viễn
279.	Hồ sơ xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên	10 năm
280.	Hồ sơ thành lập, cấp phép hoạt động, đình chỉ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học	Vĩnh viễn
281.	Hồ sơ thành lập, cho phép hoạt động, đình chỉ hoạt động, giải thể trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn	Vĩnh viễn
282.	Hồ sơ đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	10 năm
283.	Hồ sơ cấp phép hoạt động hoặc xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng	5 năm sau khi

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	giấy phép hết hiệu lực
284.	Hồ sơ xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình giáo dục thường xuyên	Vĩnh viễn
285.	Hồ sơ biên soạn, thẩm định, phê duyệt các giáo trình, học liệu, phương tiện phục vụ giảng dạy và học tập mang đặc thù của giáo dục thường xuyên	Vĩnh viễn
286.	Hồ sơ biên soạn, thẩm định, phê duyệt tài liệu bồi dưỡng, tài liệu hướng dẫn giảng dạy thuộc lĩnh vực giáo dục thường xuyên	20 năm
287.	Hồ sơ công nhận tỉnh/huyện/xã đạt chuẩn xóa mù chữ	10 năm
	4.2. Hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục của trung tâm giáo dục thường xuyên	
288.	Sổ đăng bộ	Vĩnh viễn
289.	Sổ gọi tên và ghi điểm	Vĩnh viễn
290.	Sổ nghị quyết của trung tâm	10 năm
291.	Sổ kế hoạch và chương trình hoạt động của trung tâm	10 năm
292.	Sổ kiểm tra đánh giá giáo viên về công tác chuyên môn	10 năm
293.	Sổ thi đua	10 năm
294.	Học bạ học viên	Trả học viên khi ra trường, chuyển trường
295.	Sổ ghi đầu bài	5 năm
296.	Sổ chủ nhiệm	Hết khóa
	4.3. Hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động của các lớp xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ	
297.	Học bạ học viên theo học chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ	Trả học viên khi hoàn thành chương trình
298.	Sổ điểm	10 năm
299.	Danh sách học viên được xác nhận biết chữ và học viên được xác nhận hoàn thành chương trình giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ	20 năm
	5. Tài liệu về Giáo dục quốc phòng và An ninh	
300.	Hồ sơ biên soạn, thẩm định chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh	Vĩnh viễn
301.	Hồ sơ biên soạn, thẩm định, phê duyệt giáo trình sử dụng chung môn giáo dục quốc phòng và an ninh để làm tài liệu giảng dạy, học tập trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Vĩnh viễn
302.	Hồ sơ xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh cho các trường tiểu học và trung học cơ sở	Vĩnh viễn
303.	Hồ sơ thẩm định, sản xuất thiết bị dạy học môn giáo dục quốc phòng và an ninh	20 năm
304.	Hồ sơ quản lý, sử dụng thiết bị dạy học môn giáo dục quốc phòng và an ninh	10 năm
305.	Hồ sơ biên soạn, thẩm định, phê duyệt tài liệu bồi dưỡng, tài liệu hướng dẫn giảng dạy thuộc giáo dục quốc phòng và an ninh	10 năm
306.	Hồ sơ hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh trung học	
	- Danh sách thí sinh đoạt giải	10 năm

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	- Sổ cấp giấy chứng nhận học sinh đoạt giải	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký dự thi	1 năm
	- Bài thi	2 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến hội thao	2 năm
	6. Tài liệu về Giáo dục dân tộc	
307.	Hồ sơ xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình dạy học tiếng dân tộc thiểu số	Vĩnh viễn
308.	Hồ sơ biên soạn, thẩm định, phê duyệt sách giáo khoa, tài liệu dạy học tiếng dân tộc thiểu số	Vĩnh viễn
309.	Hồ sơ biên soạn, thẩm định, phê duyệt tài liệu bồi dưỡng, tài liệu hướng dẫn giảng dạy thuộc lĩnh vực giáo dục dân tộc	20 năm
310.	Hồ sơ chấp thuận việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên	Vĩnh viễn
311.	Hồ sơ tuyển sinh, bồi dưỡng học sinh hệ dự bị đại học trong các trường dự bị đại học	10 năm
312.	Hồ sơ xét chọn và phân bổ học sinh hệ dự bị đại học vào học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp	20 năm
313.	Hồ sơ xét duyệt học sinh nội trú ở trường phổ thông dân tộc nội trú, học sinh bán trú ở trường phổ thông dân tộc bán trú	10 năm
314.	Hồ sơ giáo dục học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học về chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam	5 năm
315.	Hồ sơ giáo dục kỹ năng sống và kỹ năng hoạt động xã hội cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học	5 năm
316.	Hồ sơ giáo dục lao động, hướng nghiệp và dạy nghề truyền thống cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học	5 năm
317.	Hồ sơ tổ chức công tác nội trú, bán trú cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học	5 năm
318.	Hồ sơ theo dõi, thống kê số lượng học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học đã tốt nghiệp hằng năm tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc trở về địa phương tham gia công tác, lao động sản xuất	5 năm
	7. Tài liệu về Kiểm định chất lượng giáo dục	
319.	Danh sách các tổ chức đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế được Việt Nam công nhận	20 năm
320.	Hồ sơ thành lập hoặc cho phép thành lập, giải thể, đổi tên, cấp, cấp lại giấy phép hoạt động, đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục	Vĩnh viễn
321.	Hồ sơ giao nhiệm vụ đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục	Vĩnh viễn
322.	Hồ sơ đào tạo và cấp chứng chỉ đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục	
	- Danh sách cấp chứng chỉ đào tạo kiểm định viên kiểm định chất	Vĩnh viễn

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	lượng giáo dục	
	- Hồ sơ đăng ký tham dự khóa đào tạo kiểm định viên	2 năm
	- Bài thi, kiểm tra	1 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến đào tạo và cấp chứng chỉ kiểm định viên	5 năm
323.	Hồ sơ tuyển chọn và cấp/cấp lại thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục	20 năm
	- Danh sách tuyển chọn và cấp/cấp lại thẻ kiểm định viên	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký tuyển chọn	5 năm
	- Bài thi tuyển chọn kiểm định viên	2 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến tuyển chọn và cấp/cấp lại thẻ kiểm định viên	5 năm
324.	Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo	20 năm
	8. Tài liệu về văn bằng, chứng chỉ	
325.	Hồ sơ chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Vĩnh viễn
326.	Hồ sơ cấp phôi bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Vĩnh viễn
327.	Hồ sơ cấp phôi chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân	Vĩnh viễn
328.	Sổ gốc cấp văn bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Vĩnh viễn
329.	Sổ cấp bản sao văn bằng tốt nghiệp từ sổ gốc	Vĩnh viễn
330.	Sổ gốc cấp chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân	Vĩnh viễn
331.	Sổ cấp bản sao chứng chỉ từ sổ gốc	Vĩnh viễn
332.	Hồ sơ công nhận văn bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ do cơ sở nước ngoài cấp	Vĩnh viễn
333.	Hồ sơ công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp	Vĩnh viễn
	9. Tài liệu về học phí, học bổng, chính sách hỗ trợ người học	
334.	Hồ sơ xét cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên	10 năm
335.	Hồ sơ xét cấp học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên hệ cử tuyển	10 năm
336.	Hồ sơ xét cấp học bổng chính sách đối với học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học	10 năm
337.	Hồ sơ xét trợ cấp xã hội đối với sinh viên	10 năm
338.	Hồ sơ xét hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và gạo cho học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	10 năm
339.	Hồ sơ xét miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên	10 năm
340.	Hồ sơ xét cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh và sinh viên	10 năm
341.	Hồ sơ xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em trong độ tuổi năm tuổi	10 năm
	10. Tài liệu về công tác học sinh, sinh viên	
342.	Báo cáo đánh giá, tổng hợp tình hình đạo đức, lối sống của học sinh, sinh viên theo từng thời kỳ và năm học	Vĩnh viễn
343.	Hồ sơ theo dõi, tổng hợp, thống kê và đề xuất công tác phát triển Đảng	10 năm

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	trong học sinh, sinh viên	
344.	Hồ sơ khen thưởng và công nhận các danh hiệu đối với học sinh, sinh viên	
	- Cấp Bộ, cấp tỉnh	20 năm
	- Cấp huyện, trường	10 năm
345.	Hồ sơ kỷ luật học sinh, sinh viên	
	- Hình thức kỷ luật khiển trách	10 năm
	- Hình thức kỷ luật cảnh cáo	15 năm
	- Hình thức đình chỉ học tập có thời hạn	20 năm
	- Hình thức buộc thôi học	Vĩnh viễn
346.	Hồ sơ tổ chức, theo dõi các hoạt động liên quan đến hình thành đạo đức, lối sống trong học sinh, sinh viên	5 năm
347.	Hồ sơ theo dõi, xử lý các vấn đề về an ninh, chính trị liên quan đến học sinh, sinh viên	10 năm
348.	Hồ sơ tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên đầu khóa, đầu năm, cuối khóa học	5 năm
349.	Hồ sơ tổ chức tư vấn học tập, nghề nghiệp, việc làm cho học sinh, sinh viên	5 năm
350.	Hồ sơ công tác chăm sóc sức khỏe học sinh, sinh viên	5 năm
351.	Hồ sơ quản lý học sinh, sinh viên nội, ngoại trú	5 năm
352.	Hồ sơ học sinh, sinh viên	Trả người học sau khi ra trường
353.	Hồ sơ chuyên trường đối với học sinh, sinh viên	Hết khóa
354.	Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến	5 năm
355.	Hồ sơ xin học lại tại trường khác	Hết khóa
356.	Hồ sơ Hội khỏe Phù Đổng, các giải thi đấu thể dục thể thao, văn nghệ trong học sinh, sinh viên	
	- Danh sách thí sinh đoạt giải	Vĩnh viễn
	- Sổ cấp giấy chứng nhận học sinh đoạt giải	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký dự thi	1 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến Hội khỏe Phù Đổng, các giải thi đấu thể dục thể thao, văn nghệ trong học sinh, sinh viên	2 năm
	11. Tài liệu về đào tạo với nước ngoài	
357.	Hồ sơ ký kết Hiệp định, Thỏa thuận hợp tác về việc tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài vào Việt Nam học tập	Vĩnh viễn
358.	Hồ sơ thành lập, cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép thành lập, chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập đối với văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Vĩnh viễn
359.	Hồ sơ cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ tuyển sinh, chấm dứt hoạt động giáo dục, giải thể, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Vĩnh viễn
360.	Hồ sơ cho phép mở phân hiệu, cho phép hoạt động giáo dục đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Vĩnh viễn
361.	Hồ sơ bổ sung, điều chỉnh các hoạt động giáo dục, ngành đào tạo, mở rộng quy mô, đối tượng tuyển sinh, điều chỉnh nội dung, chương trình giảng dạy đối với cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn	Vĩnh viễn

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
362.	Hồ sơ phê duyệt đề án, gia hạn đề án, định chỉ tuyển sinh và chấm dứt chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ trung cấp, cao đẳng sư phạm, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Vĩnh viễn
363.	Hồ sơ tuyển sinh đi học nước ngoài bằng ngân sách nhà nước	Vĩnh viễn
364.	Hồ sơ không trúng tuyển của ứng viên dự tuyển đi học nước ngoài bằng ngân sách nhà nước	5 năm
365.	Hồ sơ tuyển sinh đi học nước ngoài bằng học bổng Hiệp định và các học bổng khác	Vĩnh viễn
366.	Hồ sơ không trúng tuyển của ứng viên dự tuyển đi học nước ngoài bằng học bổng Hiệp định và các học bổng khác	5 năm
367.	Hồ sơ lưu học sinh Việt Nam đi học tập ở nước ngoài và tiếp nhận về nước	Vĩnh viễn
368.	Hồ sơ lưu học sinh nước ngoài vào học tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam	20 năm
369.	Hồ sơ tuyển chọn chuyên gia giáo dục đi làm việc ở nước ngoài	Vĩnh viễn
370.	Hồ sơ không trúng tuyển của ứng viên dự tuyển chọn chuyên gia giáo dục đi làm việc ở nước ngoài	5 năm
371.	Hồ sơ chuyên gia giáo dục đi làm việc ở nước ngoài và tiếp nhận về nước	Vĩnh viễn
372.	Hồ sơ giao nhiệm vụ bồi dưỡng, kiểm tra, thi và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học	Vĩnh viễn
373.	Hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dịch vụ tư vấn du học	20 năm
374.	Danh sách thông kê hàng năm lưu học sinh Việt Nam đi học tập ở nước ngoài có sử dụng ngân sách nhà nước và về nước	20 năm
	12. Tài liệu về công tác nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	
375.	Hồ sơ xây dựng và ban hành quy hoạch, kế hoạch phát triển viên chức, nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	Vĩnh viễn
376.	Hồ sơ xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Vĩnh viễn
377.	Hồ sơ biên soạn, thẩm định, phê duyệt tài liệu dùng chung, sách hướng dẫn giảng dạy, tài liệu bồi dưỡng, học liệu phục vụ công tác bồi dưỡng viên chức, nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	20 năm
378.	Hồ sơ Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở thẩm định, đề nghị xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư	Vĩnh viễn
379.	Hồ sơ Hội đồng chức danh giáo sư ngành, liên ngành thẩm định, đề nghị xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư	Vĩnh viễn
380.	Hồ sơ Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước thẩm định và quyết định công nhận chức danh giáo sư, phó giáo sư	Vĩnh viễn
381.	Hồ sơ cá nhân đăng ký xét công nhận chức danh giáo sư, phó giáo sư	5 năm
382.	Hồ sơ bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư	Vĩnh viễn
383.	Hồ sơ miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư	Vĩnh viễn
384.	Hồ sơ hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư	Vĩnh viễn
385.	Hồ sơ Hội đồng cấp cơ sở thẩm định, đề nghị xét tặng danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú	Vĩnh viễn
386.	Hồ sơ Hội đồng cấp huyện thẩm định, đề nghị xét tặng danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú	Vĩnh viễn
387.	Hồ sơ Hội đồng cấp tỉnh thẩm định, đề nghị xét tặng danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú	Vĩnh viễn

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
388.	Hồ sơ Hội đồng cấp Bộ thẩm định, đề nghị xét tặng danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú	Vĩnh viễn
389.	Hồ sơ Hội đồng Nhà nước thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú	Vĩnh viễn
390.	Hồ sơ của cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú	20 năm
391.	Hồ sơ giao nhiệm vụ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Vĩnh viễn
392.	Hồ sơ giao nhiệm vụ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục	Vĩnh viễn
393.	Hồ sơ giao lưu cán bộ quản lý, giáo viên giỏi các cấp học toàn quốc, giáo viên tiêu biểu dạy trẻ khuyết tật, Tổng phụ trách Đội giỏi	5 năm
394.	Hồ sơ thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, cán bộ quản lý giỏi cấp trường, huyện, tỉnh	Vĩnh viễn
	- Quyết định công nhận, danh sách giáo viên, cán bộ quản lý đạt danh hiệu	Vĩnh viễn
	- Sáng kiến kinh nghiệm đạt giải	10 năm
	- Hồ sơ đăng ký dự thi	1 năm
	- Bài thi, bài thực hành	2 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến cuộc thi	2 năm
395.	Hồ sơ tổ chức thi thăng hạng cho nhà giáo	
	- Danh sách trúng tuyển, Báo cáo kết quả	20 năm
	- Hồ sơ đăng ký dự thi	5 năm
	- Bài thi	5 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến thi	5 năm
396.	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp	10 năm
	13. Tài liệu về cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em	
397.	Hồ sơ xây dựng phương hướng, chính sách đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị trường học, các khu đại học, phòng thí nghiệm trọng điểm, đồ chơi trẻ em trong ngành	Vĩnh viễn
398.	Hồ sơ xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm về cơ sở vật chất, thiết bị trường học, các khu đại học, phòng thí nghiệm trọng điểm, đồ chơi trẻ em trong ngành	Vĩnh viễn
399.	Hồ sơ xác định cơ cấu đầu tư, các chính sách đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo	Vĩnh viễn
400.	Hồ sơ xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở về cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em phù hợp với yêu cầu giáo dục và tâm sinh lý lứa tuổi trẻ em	Vĩnh viễn
401.	Hồ sơ xây dựng và đề nghị cấp có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em phù hợp với yêu cầu giáo dục và tâm sinh lý lứa tuổi trẻ em	Vĩnh viễn
402.	Hồ sơ xây dựng cơ sở dữ liệu về đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em	Vĩnh viễn
403.	Hồ sơ kiểm tra và công nhận thư viện trường học đạt chuẩn	20 năm
404.	Hồ sơ của cơ sở giáo dục về quản lý thư viện	
	- Các loại sổ sách: Sổ đăng ký tổng quát, đăng ký cá biệt, đăng ký sách giáo khoa, tạp chí; sổ mượn sách, cho thuê sách, thông kê bạn đọc...	5 năm

STT	TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THBQ
	- Biên bản kiểm kê, thanh lý sách, ấn phẩm thư viện	5 năm
405.	Hồ sơ của cơ sở giáo dục về quản lý, theo dõi, sử dụng thiết bị giáo dục, đồ chơi trẻ em	
	- Sổ quản lý thiết bị giáo dục, đồ chơi trẻ em:	
	+ Sổ đăng ký/danh mục thiết bị giáo dục, đồ chơi trẻ em; Sổ nhập tài sản, công cụ, dụng cụ	20 năm
	+ Sổ cho mượn và sử dụng đồ dùng dạy học; Sổ theo dõi tài sản các lớp, phòng học bộ môn	5 năm
	- Báo cáo kiểm kê, đánh giá lại tài sản cố định	20 năm
	- Hồ sơ, tài liệu về việc chuyển nhượng, bàn giao, thanh lý thiết bị giáo dục, đồ chơi trẻ em	20 năm
	14. Tài liệu về công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục, dạy và học	
406.	Hồ sơ xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch dài hạn, hàng năm về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và trong dạy học	Vĩnh viễn
407.	Hồ sơ tuyển chọn, thẩm định, ban hành danh mục sản phẩm công nghệ thông tin dùng trong ngành giáo dục: giáo trình tài liệu, sách tham khảo, chương trình giảng dạy, chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, nội dung và chương trình học trực tuyến	10 năm
408.	Hồ sơ xây dựng thư viện giáo trình điện tử, sách giáo khoa điện tử, thư viện đề thi, học liệu mở, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo và phần mềm mô phỏng, khai thác sử dụng và dạy học dùng mã nguồn mở và công nghệ học điện tử	5 năm